

RÈN KỸ NĂNG THỰC HÀNH CÔNG VIỆC CHO HỌC SINH Ở BẬC TIỂU HỌC - VẤN ĐỀ CẦN ĐƯỢC CHÚ Ý HƠN TRONG CÁC NHÀ TRƯỜNG HIỆN NAY

Vô Thị Minh Chí

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

1. Đặt vấn đề

Trong các văn bản đã và sẽ được soạn thảo về chương trình dạy - học nói chung, cho từng môn học nói riêng, một trong 3 yêu cầu được đưa ra là rèn kỹ năng cho học sinh. Như vậy, cùng với việc giáo dục thái độ đúng, nghiêm túc, dạy và truyền đạt kiến thức cho học sinh, việc rèn kỹ năng trong nhà trường nhằm mục đích phát triển nhân cách toàn diện cho học sinh: các em không chỉ có kiến thức mà còn biết sử dụng và thực hành kiến thức đã có vào thực tế luôn biến động. Chỉ bằng cách như vậy, học sinh ngồi trên ghế nhà trường hôm nay mới có cơ hội cống hiến, đền đáp công ơn thầy cô, bố mẹ và xã hội trong tương lai. Mặt khác, thông qua quá trình rèn kỹ năng giáo dục, nhà trường dạy “người” cho những học sinh của mình. Tuy nhiên, các nghiên cứu gần đây⁽¹⁾ của Trung tâm Tâm lý học - Sinh lý học lứa tuổi cho thấy, tính mất cân đối, không đồng bộ giữa việc dạy kiến thức (dạy “chữ”) và rèn kỹ năng cho học sinh ở các trường tiểu học. Kết quả này chắc chắn có ảnh hưởng không tốt đến việc thực hiện triển khai chương trình sách giáo khoa đang hiện hành - vốn đang bị dư luận lên án là quá tải, quá nặng.

2. Thực trạng kỹ năng thực hành công việc của học sinh

2.1. Khách thể nghiên cứu: là 780 học sinh đã học xong chương trình các lớp 1, 2 theo chương trình, sách giáo khoa mới triển khai đại trà trên phạm vi cả nước.

Các trường tiểu học có học sinh tham gia nghiên cứu gồm:

Đak'Ha, Văn Lem, ĐakH'ring (Kontum).

Thị trấn Lương Bằng, thị trấn Ân Thi và Tiên Lữ (Hưng Yên).

Phù Mỹ, Long Hâu, Vĩnh Thạnh, Lấp Vò (Đồng Tháp).

Trung Tự, Cát Linh (Hà Nội); Lý Tự Trọng (Thanh Hoá); Nguyễn Du (Thị xã Hà Đông, Hà Tây).

Các trường đại diện cho thành phố, đô thị được gọi chung là Hà Nội trong phân tích kết quả.

2.2. Phương pháp nghiên cứu đã sử dụng⁽²⁾

+ Phương pháp định liệu công việc theo thời gian (ĐLCV).

+ Phương pháp phản xạ vận động - thị giác (PX).

+ Phương pháp đo diện cơ trước và sau giờ tập viết và học các môn toán, tiếng Việt có liên quan nhiều đến viết.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Các số liệu thu được từ phương pháp ĐLCV và PX

Các kỹ năng thực hành công việc của học sinh tham gia nghiên cứu được xác định gián tiếp thông qua một số tiêu chí sau đây của phương pháp:

- Độ chính xác trong công việc (hay chất lượng công việc)

Bảng 1: Chất lượng hoàn thành công việc của học sinh ở phương pháp ĐLCV và PX (độ chính xác đến 0.01)

Tỉnh	$X \pm \delta$		So sánh	
	ĐLCV	PX	t	p
Kontum	0.94 ± 0.12	0.91 ± 0.19	0.615	0.540
	0.90 ± 0.14	0.77 ± 0.28	-1.663	0.098
Hưng Yên	0.99 ± 0.05	0.89 ± 0.22	-5.846	0.000
	0.92 ± 0.14	0.89 ± 0.21	-3.671	0.000

Đồng Tháp	0.97 ± 0.06	0.97 ± 0.09	1.139	0.256
	0.94 ± 0.11	0.90 ± 0.15	-4.437	0.000
Hà Nội	0.96 ± 0.07	0.93 ± 0.15	-5.553	0.000
	0.87 ± 0.2	0.83 ± 0.25	-6.882	0.000

Hàng trên: đáp ứng kích thích giản đơn.

Hàng dưới: đáp ứng với kích thích phân biệt.

Nhìn vào con số hiển thị ở bảng 1 dễ dàng nhận thấy:

+ Ở cả hai phương pháp, học sinh đã thực hiện công việc với độ chính xác khá cao từ 77% đến 97%, mặc dù còn có sự chênh lệch đáng kể về kết quả này ở các học sinh thuộc địa bàn nghiên cứu khác nhau, cũng như giữa đáp ứng với các kích thích đơn giản và kích thích phân biệt.

+ Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê được thể hiện tuyệt đối ở học sinh tất cả các địa bàn nghiên cứu khi thực hiện đáp ứng với kích thích phân biệt với giá trị tuyệt đối lớn hơn ở phương pháp định liệu công việc theo thời gian. Và ngay cả ở kết quả thực hiện công việc với kích thích giản đơn, thì mặc dù độ chính xác của công việc của 2 phương pháp không có sự khác biệt về thống kê, nhưng giá trị tuyệt đối của chỉ số này ở phương pháp ĐLCV vẫn cao hơn ở phương pháp PX.

Qua tìm hiểu, kết quả chênh lệch về độ chính xác trong công việc thu được từ hai phương pháp nghiên cứu được lý giải như sau:

+ Ở phương pháp ĐLCV: học sinh được yêu cầu dò soát và gạch các chữ cái - gạch tất cả các chữ E (kích thích đơn) và khoanh chữ E nếu nó đứng sau chữ N (N E) các chữ E còn lại thì gạch như phương án nêu trên (kích thích phân biệt).

Ở phương pháp PX: tài liệu mà học sinh phải tiếp xúc trong nghiên cứu là các tín hiệu - màu đèn (xanh, đỏ, vàng) khác nhau. Công việc mà học sinh phải thực hiện là dập tắt tín hiệu khi thấy có các đèn màu xuất hiện, bằng bấm các “nút” màu ở trên máy theo quy định. Chẳng hạn, thấy đèn đỏ - bấm nút đỏ để tắt đèn (phản ứng giản đơn) hoặc thấy đèn đỏ - đèn xanh thì phải bấm nút xanh - nút vàng đồng thời để tắt đèn (phản ứng phân biệt).

(Quy định bấm nút (bấm cặp nút) để dập tắt kích thích - đèn màu được hướng dẫn và đặt trước mặt học sinh. Cho các em làm thử trên máy và chỉ khi

các em đã hiểu cách làm thì mới tính thời gian đáp ứng và lỗi mắc phải khi xử lý).

+ Nếu như ở phương pháp ĐLCV, học sinh gạch chữ theo quy định - một công việc tương đối gần với việc mà các em thực hiện khi đọc, viết... hàng ngày trên lớp. Nói cách khác, các em đã được cô giáo rèn luyện trong các tình huống cụ thể, thường xuyên trên lớp, nên việc thực hành các bài tập này không khó với học sinh nói chung. Các lỗi mà các em thường mắc phải không liên quan đến kỹ năng làm việc, mà chủ yếu do khả năng tập trung chú ý của học sinh ở một vài thời điểm nào đó còn chưa cao.

Tuy nhiên, nhìn chung có thể thấy, kết quả về độ chính xác trong công việc ở phương pháp ĐLCV ở tất cả các địa phương tham gia nghiên cứu là khá khả quan.

Còn ở phương pháp PX, do công việc (tính chất của phương pháp) còn khá lạ lẫm so với những gì học sinh được rèn trên lớp, nên các em thực sự lúng túng khi thực hành (mặc dù đã hiểu rõ cách làm). Có nhiều học sinh đã thuộc quy tắc thấy đèn đỏ - bấm nút đỏ nhưng khi thực thi vẫn bấm vào nút khác - do luống cuống... Mặc dù độ chính xác trong thực thi phương pháp PX thu được không phải là thấp (từ mức khá đến mức tốt) nhưng rõ ràng là không cao bằng so với kết quả của chỉ số này ở phương pháp ĐLCV trên chính các em.

+ Với tố chất nhanh, khéo của học sinh Việt Nam nói chung, có thể thấy rằng, nếu được đưa vào rèn luyện trong các tình huống cụ thể khác nhau, học sinh của chúng ta có thể đạt được độ chính xác hay chất lượng công việc cao là điều không khó khăn gì.

Sở dĩ đề cập đến phương pháp rèn luyện đáp ứng (phản xạ) nhanh bởi lẽ, khi nhìn vào kết quả ở bảng 1 cũng dễ nhận thấy khả năng đáp ứng chính xác của phương pháp này quyết định đến độ chính xác của phương pháp ĐLCV rất nhiều. Mặt khác, khả năng đáp ứng nhanh, chính xác còn là cơ sở sinh lý thần kinh rất quan trọng của tính sáng tạo⁽³⁾ ở con người nói chung, ở học sinh nói riêng - một yếu tố rất cần thiết cho mọi người đang sống trong cuộc sống hiện đại.

Như vậy, có thể thấy rằng, trên cơ sở độ chính xác khi thực hiện công việc còn cần phải được chú ý, thì chắc chắn, hiệu quả công việc phải thực thi cũng chưa cao, ở mức phù hợp với tố chất của chủ thể. Nói cách khác, với học sinh tiểu học tham gia nghiên cứu, nếu được tổ chức, hướng dẫn và rèn luyện trong các môi trường, tình huống phải đáp ứng, “bật” nhanh, chính xác với yêu cầu công việc, thì các em sẽ có cơ hội nắm bắt các kỹ năng thực hành tốt, chính xác. Vấn đề ở đây là các em chưa được đưa vào “rèn” ở các tình huống đó.

Ngay cả một số kỹ năng giao tiếp trong chương trình đã đề cập đến như cảm ơn, xin lỗi... học sinh cũng chỉ được giáo viên “truyền đạt” trong giờ học trên lớp, còn các em thực hiện những điều đó như thế nào trong thực tế, giáo viên không để ý, uốn nắn chỉnh sửa hay chấn chỉnh cho các em.

3.2. Các số liệu thu được từ phương pháp đo điện cơ vào các thời điểm trước và sau 1 tiết học viết (và có liên quan nhiều đến việc viết)

Thông thường, khi làm việc kéo dài, hoạt động của cơ dưới sự điều khiển của trung ương thần kinh sẽ giảm dần theo thời gian. Hiện tượng nêu trên được gọi là mỏi cơ. Như vậy, mỏi cơ là một hiện tượng sinh lý, nhưng khi mỏi cơ xuất hiện thường gây ra những biến đổi phức tạp, phá vỡ đồng bộ quá trình hưng phấn của cơ, của các sợi cơ liên quan đến sự sản sinh và tiêu hao năng lượng gây co bóp cơ.

Trên bản ghi điện cơ, khi cơ ở trạng thái mỏi sẽ quan sát thấy sự giảm tốc độ dẫn truyền hưng phấn: biên độ sóng điện cơ giảm, độ dài co bóp của các cơ tăng. Còn trên lâm sàng có thể quan sát thấy sự suy giảm mức độ co duỗi của cơ.

Trong quá trình viết, các cơ nhỏ của bàn tay và cơ ngửa dài của cánh tay liên tục hoạt động. Sự mỏi cơ thể hiện ở việc giảm biên độ sóng của các đường đăng điện. Do không có điều kiện ghi lại hoạt động của các cơ nhỏ ở bàn tay, nên kết quả về điện cơ được hiển thị dưới hình ảnh biến đổi hoạt động của cơ ngửa dài với các mức độ sau:

Mức 0 Rất cao: Biến đổi biên độ tăng từ 61% trở lên

Cao : Biến đổi biên độ sóng từ 0 - 60%

Mức 1 Giảm: Biến đổi biên độ từ 0 → -60%

(biến đổi sinh lý)

Mức 2: Yếu: Biến đổi biên độ sóng từ -60% → -120% trở lên
(Quá mỏi cơ, lâu phục hồi khả năng làm việc của cơ).

Điện cơ đo ở tay phải (tay cầm bút) của học sinh ở trạng thái tĩnh và khi có tác động của khẩu lệnh “nắm chặt tay lại” từ phía người dẫn thực nghiệm.

Sau 35 phút tập viết và học những bài có liên quan nhiều đến viết, kết quả sóng điện cơ của học sinh tham gia nghiên cứu có nhiều biến đổi ở các mức độ như sau.

Bảng 2: Các mức độ biến đổi sóng điện cơ

Tỉnh	Các mức độ							
	Mức 0				Mức 1		Mức 2	
	Rất cao		Cao		Giảm		Yếu	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Kontum	9	5	38	21.1	107	59.4	26	14.4
Hung Yên	34	18.9	48	26.7	68	37.8	30	16.7
Đồng Tháp	35	19.44	60	33.33	64	35.56	21	11.67
Hà Nội	37	15.42	58	21.2	42	17.5	103	42.92

SL: Số lượng

%: tỷ lệ phần trăm của số lượng tương ứng.

Có thể nói, mức độ phân loại sóng điện cơ phân nào phản ánh kỹ năng viết ở học sinh.

Theo số liệu bảng 2, kỹ năng viết hình thành không đồng đều trong học sinh của một tỉnh cũng như giữa các tỉnh khác nhau.

Tuy nhiên, điều cần bàn luận là số lượng học sinh rơi vào biến đổi sóng điện cơ ở mức 2 (biên độ sóng điện cơ giảm mạnh từ - 60% đến - 120%). Những học sinh này có kỹ năng viết hình thành chưa ổn định; hay nói cách khác, các em chưa được rèn luyện để có kỹ năng viết. Con số này ở học sinh thuộc đơn vị Hà Nội (thành phố và các đô thị loại 3) chiếm 42.92% là quá cao.

Trên lâm sàng, khi có hiệu lệnh “nắm chặt tay” thì hầu như các em không nắm tay lại được do “đờ cơ” ngón tay. Đặc biệt, hiện trạng này phản ánh rõ nhất ở những lớp mà học sinh có giờ tập viết trước đó (như ở trường Trung Tự - quận Đống Đa - Hà Nội).

Để có thể quan sát rõ hơn hiện trạng nhiều học sinh còn chưa có kỹ năng viết, xin phép trình bày kết quả về biến đổi điện cơ của học sinh theo lớp học (ở đây: lớp 3 là học sinh đầu lớp 3 - kết quả điều tra vào tháng 10 của năm học lớp 3; Học sinh, về thực chất, hoàn thành xong chương trình lớp 2).

Bảng 3: Biến đổi sóng điện cơ theo lớp học

Lớp	Các mức độ							
	Mức 0				Mức 1		Mức 2	
	Rất cao		Cao		Giảm		Yếu	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Lớp 1 (n = 90)	6	8.89	13	14.44	25	27.74	44	48.89
Lớp 2 (n = 360)	69	19.17	15	15.28	160	44.44	76	21.11
Lớp 3 (n = 330)	37	11.2	95	28.78	138	41.8	60	18.2
Σ	114	14.6	163	20.9	323	41.41	180	23.08

Với kết quả hiển thị ở bảng 3, có thể thấy, tỷ lệ học sinh có mức biến đổi sóng điện cơ yếu sau giờ tập viết và học những bài có liên quan nhiều đến viết, ở lớp 1 là ít nhất và ở lớp 3 ít hơn ở lớp 2. Ở đây cũng cần lưu ý thêm là, các lớp có giờ tập viết trong những ngày đoàn đến nghiên cứu đều là lớp 2 thuộc các trường khác nhau (thời điểm đo là tháng 4 của năm học). Do vậy, có thể nói việc rèn kỹ năng viết cho học sinh trong nhà trường vẫn còn hạn chế ở các lớp đầu bậc tiểu học. Điểm, mà được gọi là hạn chế ở đây là việc rèn kỹ năng viết chưa được triển khai trên cơ sở phân hoá đối tượng, chứ không phải do nhà trường “bỏ quên” không rèn kỹ năng viết cho học sinh. Tuy nhiên, khi kỹ năng viết còn ở mức yếu (như kết quả ở bảng 3) thì việc rèn kỹ năng này cho học sinh cũng là vấn đề cần được nhấn mạnh và chú trọng hơn trong nhà trường, bởi lẽ kỹ năng viết là một thành tố, cấu thành sự sẵn sàng đi học của học sinh khi các em bước vào học các lớp cuối bậc tiểu học và cao hơn.

Tóm lại, có thể nói, việc rèn kỹ năng trong nhà trường, nhất là ở đầu bậc tiểu học, còn là vấn đề cần quan tâm và phấn đấu.

Chú thích

1. Đề tài cấp Bộ mã số B98-49-77; nhánh đề tài về tâm - sinh lý lứa tuổi học sinh thuộc đề tài cấp Nhà nước mã số ĐTĐL2004.
2. Về nội dung và các bước tiến hành phương pháp cụ thể, xin tham khảo trong báo cáo tổng hợp của nhánh đề tài về sự phù hợp giữa đặc điểm tâm - sinh lý

lứa tuổi của học sinh với chương trình, SGK mới triển khai đại trà. Đề tài độc lập cấp Nhà nước, Mã số ĐTĐL2004/23.

3. Kết quả về tính sáng tạo của học sinh Việt Nam còn đang ở mức trung bình và trung bình kém. Xin tham khảo ở nghiên cứu của Trung tâm Tâm lý học - Sinh lý lứa tuổi - Đại học Sư phạm Hà Nội.